TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **03**/2023/KDTM-ST
Ngày: 27-3-2023
V/v tranh chấp
Hợp đồng mua bán hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thanh Vân

2. Bà Phan Hoàng Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên toà: Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2022/TLST - KDTM, ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXST-KDTM, ngày 14 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty A.**

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 18, ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên hệ: đường N, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

Do bà La Mỹ H, Chức vụ Giám đốc đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc Ch, sinh năm 1980. Địa chỉ: đường D, khóm 3, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang. Theo hợp đồng ủy quyền được Phòng Công chứng số 2 chứng nhận có số công chứng 010494, ngày 27/12/2022.

Bị đơn: **Công ty B.**

Địa chỉ trụ sở chính: đường Ph, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Do ông Nguyễn Thanh Gi, Chức vụ Giám đốc đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1982. Địa chỉ: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Theo Giấy ủy quyền số 02/UQ.MN, ngày 10/01/2023, của Công ty B.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 11 năm 2022 nguyên đơn Công ty A thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Công ty A (gọi tắt là Công ty A) hoạt động kinh doanh buôn bán vật liệu xây dựng. Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2020 đến ngày 29/7/2022 Công ty B (gọi tắt là Công ty B) có mua vật liệu xây dựng của Công ty A để xây dựng công trình nhà hát thành phố Long Xuyên theo thỏa thuận. Sau khi Công ty A giao đủ số lượng hàng hóa thì thời hạn thanh toán là 30 ngày kể từ khi nhận đủ hàng theo yêu cầu. Tuy nhiên, trong quá trình mua vật liệu xây dựng Công ty B luôn vi phạm thời hạn thanh toán và tính đến ngày 29/7/2022 còn nợ Công ty A số tiền 4.992.606.350 (Bốn tỷ, chín trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm lẻ sáu nghìn, ba trăm năm mươi) đồng.

Mặc dù, Công ty A đã nhiều lần yêu cầu Công ty B thanh toán số tiền còn nợ nhưng Công ty B hứa hẹn nhiều lần mà không trả.

Ngoài ra, ngày 28/7/2022 Công ty B còn mua của Công ty A hai dây chuyền sản xuất gạch không nung với giá 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng. Ngay khi ký văn bản mua bán thì Công ty B đã nhận xong máy, thỏa thuận thời hạn thanh toán là đến ngày 28/9/2022. Tuy nhiên, đến nay Công ty A nhiều lần yêu cầu nhưng Công ty B vẫn chưa thanh toán.

Do đó, Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty B trả số tiền là 5.392.606.350 (Năm tỷ, ba trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm lẻ sáu nghìn, ba trăm năm mươi) đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật kể từ ngày 28/9/2022 đến khi xét xử sơ thẩm.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bị đơn vắng mặt nhưng tại tờ tự khai ngày 10/01/2023 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Hoàng Vi thể hiện ý kiến:

Hiện công ty còn nợ Công ty A số tiền: Vật tư là 4.992.606.350 (Bốn tỷ, chín trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm lẻ sáu nghìn, ba trăm năm mươi) đồng và nợ tiền mua dây chuyền sản xuất gạch là 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng.

Tuy nhiên đến ngày 05/12/2022 Công ty B có trả cho Công ty A số tiền 99.248.850 (Chín mươi chín triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn, tám trăm năm mươi đồng).

Công ty B xin cam kết hằng tháng sẽ trả cho Công ty A 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng và xin không tính lãi số tiền nợ.

Tại phiên tòa ngày 27 tháng 3 năm 2023:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/3/2023 thể hiện ý kiến: Ngày 22/11/2022 nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 5.392.606.350 đồng trong đó tiền nợ vật liệu xây dựng là 4.992.606.350 đồng và tiền nợ mua dây chuyền sản xuất gạch không nung là 400.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 05/12/2022 bị đơn có chuyển trả được 99.248.850 đồng tiền mua vật tư nên số tiền nợ vật tư còn lại là 4.893.357.850 đồng. Do đó, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu đối với số tiền 99.248.850 đồng. Đối với tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Số tiền 4.992.606.350 đồng hai bên không thỏa thuận mức lãi suất nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Riêng số tiền 400.000.000 đồng tại "Biên nhận về việc mua bán dây chuyền sản xuất gạch không nung ngày 28/7/2022" hai bên thỏa thuận "*Nếu đúng thời hạn không thanh toán đủ số tiền như thỏa thuận sẽ thanh toán tiền lãi suất ngân hàng VCB tại thời điểm đến hạn thanh toán*" nên nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ mức lãi suất trong hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh An Giang để tính số tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty B trả tiền mua hàng hóa. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở tại thành phố Long Xuyên nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Nguyên đơn ủy quyền cho ông Ch. Bị đơn ủy quyền cho ông V. Việc ủy quyền phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, ông Ch tham gia với tư cách người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn, ông V tham gia với tư cách người đại diện theo ủy quyền của bị đơn theo quy định tại khoản 4 Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt, nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về việc xem xét rút lại một phần yêu cầu khởi kiện: Tại đơn khởi kiện ngày 22/11/2022 nguyên đơn yêu cầu trả số tiền 5.392.606.350 đồng trong đó tiền nợ vật liệu xây dựng là 4.992.606.350 đồng và tiền nợ mua dây chuyền sản xuất gạch không nung là 400.000.000 đồng. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 27/3/2023 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định ngày 05/12/2022 bị đơn có chuyển trả được 99.248.850 đồng nên số tiền nợ vật tư còn lại là 4.893.357.500 đồng nên nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 99.248.850 đồng. Việc rút lại một yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xé xử đối với phần yêu cầu đã rút.

[4] Về nội dung vụ án: Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty B yêu cầu 5.293.357.500 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ ngày 28/9/2022 đến khi xét xử sơ thẩm. Trong đó: Tiền mua vật tư là 4.893.357.500 đồng và tiền mua hai dây chuyền sản xuất gạch không nung là 400.000.000 đồng.

[4.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty A tại tờ tự khai ngày 10/01/2023 người đại diện theo ủy quyền của Công ty B cũng thừa nhận là còn nợ nguyên đơn số tiền 5.392.606.350 đồng. Trong đó: Tiền vật tư là 4.992.606.350 đồng và tiền nợ mua dây chuyền sản xuất gạch không nung là 400.000.000 đồng. Đồng thời ngày 05/12/2022 đã chuyển trả 99.248.850 đồng tiền mua vật tư. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với "Biên bản đối chiếu công nợ được xác lập ngày 29/7/2022", "Biên bản về việc mua dây chuyền sản xuất gạch không nung ngày 28/7/2022" xác lập giữa Công ty A với Công ty B, cũng như ủy nhiệm chi ngày 05/12/2022 về việc Công ty B có chuyển trả cho Công ty A số tiền 99.248.850 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện trả số tiền 5.293.357.500 đồng của Công ty A là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Đối với yêu cầu trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Tính đến thời điểm hiện tại Công ty B thừa nhận vẫn còn nợ Công ty A số tiền 5.293.357.500 đồng. Căn cứ vào Điều 306 Luật thương mại năm 2005 Công ty A yêu cầu Công ty B trả tiền lãi do chậm thanh toán là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2.1] Về thời gian tính lãi: Tại "Biên nhận về việc mua bán dây chuyền sản xuất gạch không nung ngày 28/7/2022" các bên có thỏa thuận đến ngày 28/9/2022

sẽ thanh toán hết số tiền 400.000.000 đồng. Còn đối với số tiền 4.893.357.500 đồng còn nợ lại theo "Biên bản đối chiếu công nợ ngày 29/7/2022" hai bên không thỏa thuận thời hạn trả. Căn vào khoản 1 Điều 55 Luật thương mại năm 2005 thể hiện:

"Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, thời hạn thanh toán được quy định như sau:

1/ Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hóa.

..... ".

Trong trường hợp này nghĩa vụ thanh toán của Công ty B được tính từ ngày giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hóa. Công ty A chỉ yêu cầu tính lãi chậm thanh toán từ ngày 28/9/2022, sau cả thời gian hai bên đối chiếu công nợ là có lợi cho phía Công ty B nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2.2] Về mức lãi:

Tại "Biên nhận về việc mua bán dây chuyền sản xuất gạch không nung ngày 28/7/2022" hai bên thỏa thuận "*Nếu đúng thời hạn không thanh toán đủ số tiền như thỏa thuận sẽ thanh toán tiền lãi suất ngân hàng VCB tại thời điểm đến hạn thanh toán*". Tuy nhiên, các bên không thỏa thuận lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) là lãi suất trong hạn hay quá hạn. Phía Công ty A xác định yêu cầu lấy mức lãi suất trong hạn, yêu cầu này có lợi cho phía Công ty B nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Mức lãi của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh An Giang tại Công văn số 522/CV.AGI.KT, ngày 09/8/2022 về việc cung cấp lãi suất cho vay ngắn hạn khác đối với khách hàng doanh nghiệp là 7,0%/năm.

Riêng đối với số tiền 4.893.357.500 đồng còn nợ lại theo "Biên bản đối chiếu công nợ ngày 29/7/2022" hai bên không thỏa thuận mức lãi chậm thanh toán. Căn cứ vào Điều 306 Luật thương mại năm 2005 quy định "*Mức lãi suất chậm trả là mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác"*. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng gồm Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, có chi nhánh tại thành phố Long Xuyên để quyết định mức lãi suất chậm thanh toán.

Cụ thể mức lãi suất cho vay ngắn hạn của khách hàng doanh nghiệp của:

- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh An Giang tại Công văn số 98/CV-AGI-KT, ngày 24/02/2023 là: 08%/năm;

- Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh An Giang tại Công văn số 211/BIDV.AG-QLRR, ngày 21/02/2023 là: 10,80%/năm;

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh An Giang tại Công văn số 209/NHN$_o$.AG-KTNB, ngày 21/02/2023 là: 08%/năm.

Mức lãi suất trung bình của 03 ngân hàng là 8,93%/năm, mức lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn là 13,4%/năm.

[4.2.3] Số tiền lãi cụ thể:

Từ ngày 28/9/2022 đến ngày 27/3/2023 là 181 ngày:

* Tiền lãi phải trả của số tiền 400.000.000 đồng:

400.000.000 đồng x 7%/năm x 181 ngày = 13.885.000 đồng.

Số tiền gốc và lãi phải trả của số tiền nợ theo "Biên nhận về việc mua bán dây chuyền sản xuất gạch không nung ngày 28/7/2022" là 413.885.000 đồng.

* Tiền lãi phải trả của số tiền 4.893.357.500 đồng:

4.893.357.500 đồng x 13,4%/năm x 181 ngày = 325.160.000 đồng

Số tiền gốc và lãi phải trả của số tiền nợ theo "Biên bản đối chiếu công nợ ngày 29/7/2022" là 5.218.517.500 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi Công ty B phải trả là: 5.632.402.500 đồng.

[5] Quá trình giải quyết vụ án Công ty B có đề nghị được trả dần 200.000.000 đồng/tháng và xin không tính lãi số tiền nợ. Tuy nhiên, yêu cầu này của Công ty B, Công ty A không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải nộp theo quy định pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 85, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 8 Điều 3, Điều 50 và Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty A về việc: Yêu cầu Công ty B có nghĩa vụ trả cho Công ty A số tiền 99.248.850 (Chín mươi chín triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn, tám trăm năm mươi) đồng nợ mua vật tự tại "Biên bản đối chiếu công nợ ngày 29/7/2022".

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A buộc Công ty B có nghĩa vụ trả cho Công ty A số tiền 5.632.402.500 (Năm tỷ, sáu trăm ba mươi hai triệu, bốn trăm lẻ hai nghìn, năm trăm) đồng. Trong đó:

- Nợ theo "Biên bản đối chiếu công nợ ngày 29/7/2022" là 5.218.517.500 (Năm tỷ, hai trăm mười tám triệu, năm trăm mười bảy nghìn, năm trăm) đồng (Gốc là 4.893.357.500 và tiền lãi chậm thanh toán là 325.160.000 đồng). Đối với số tiền này kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nợ theo "Biên nhận về việc mua bán dây chuyền sản xuất gạch không nung ngày 28/7/2022" là 413.885.000 (Bốn trăm mười ba triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn) đồng (Gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 13.885.000 đồng). Đối với số tiền này kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận.

3/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty B phải chịu 113.632.000 (Một trăm mười ba triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn) đồng.

Công ty A được nhận lại 56.696.000 (Năm mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi sáu nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001129 ngày 15 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

4/ Về quyền kháng cáo:

Công ty A, Công ty B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Bé Thu